

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21 /2019/DS-ST
Ngày: 28-6-2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B – TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thu Thương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Thiều Thị Phi Loan.

2. Ông Trần Công Danh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Hồng Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đông – Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 6 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án thụ lý số 12/2019/TLST-DS ngày 21 tháng 01 năm 2019, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2019/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 5 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 350/2019/QĐHPT-DS ngày 7 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự.

1. *Nguyên đơn:* Ông Trần Quang T, sinh năm 1971

Địa chỉ: tổ 4, khu phố 5, phường T, Tp. B, tỉnh Đồng Nai.

2. *Bị đơn:* Ông Đỗ Trung H, sinh năm 1984

Địa chỉ: tổ 4, khu phố 5, phường T, Tp. B, tỉnh Đồng Nai

(ông T có đơn xin vắng mặt, ông H vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn ông Trần Quang T trình bày:*

Ngày 21/8/2011 ông Đỗ Trung H có đến vay của ông số tiền 8.000.000đ, thời hạn vay là 10 tháng, lãi suất thỏa thuận bằng miệng là 4%/tháng, trong quá trình vay ông H trả được 7 (bảy) tháng tiền lãi là 2.100.000đ (hai triệu một trăm nghìn đồng) đến tháng 8/2015 ông H thanh toán tiền lãi và ngưng không thanh toán nữa. Nay ông khởi kiện yêu cầu ông H trả số tiền nợ gốc 8.000.000đ (tám triệu đồng), không yêu cầu tính lãi suất.

Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng và giấy triệu tập cho bị đơn ông Đỗ Trung H đến Tòa làm việc, hòa giải,

phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng ông H vắng mặt không có lý do nên không có lời khai.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định. Bị đơn thực hiện không đúng.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông H phải có nghĩa vụ trả cho ông T số tiền nợ gốc là 8.000.000đ (tám triệu đồng), không tính lãi suất do đương sự không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn ông Đỗ Trung H cư trú tại địa chỉ: 46/13, tổ 4, khu phố 5, phường T, Tp. B, tỉnh Đồng Nai và theo biên bản xác minh của Công an P. T xác định ông Đỗ Trung H hiện đang cư trú tại địa chỉ 46/13, tổ 4, khu phố 5, phường T, Tp. B, tỉnh Đồng Nai và hiện đang sinh sống tại địa chỉ trên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân TP B, tỉnh Đồng Nai.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: ông T xác định tháng 8/2015 ông H thanh toán tiền lãi và ngưng không thanh toán đến nay, ngày 28/7/2017 ông T khởi kiện ông H, căn cứ Điều 688, Điều 429 Bộ luật Dân sự 2015 và Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên còn thời hiệu khởi kiện theo quy định của pháp luật.

[3] Thủ tục tố tụng: Nguyên đơn ông T có đơn xin xét xử vắng mặt, đối với bị đơn ông H Tòa án đã thông báo và triệu tập hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, hòa giải, công khai chứng cứ và xét xử nhưng ông H vẫn cố tình vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 1 Điều 207; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[4] Về nội dung:

Căn cứ vào giấy biên nhận mượn tiền ngày 21/8/2011 thể hiện ông Đỗ Trung H có vay của ông Trần Quang T số tiền 8.000.000đ (tám triệu đồng), thời hạn là 10 tháng sẽ trả cho ông T nhưng không thực hiện đúng thời hạn giao hẹn nên ông T khởi kiện. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành niêm yết tất cả các văn bản tố tụng, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp nhưng ông H không có ý kiến phản hồi và cố tình vắng mặt cho thấy ông H đã từ bỏ quyền tự chứng minh và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào chứng cứ của nguyên đơn cung cấp để giải quyết và áp dụng Điều 471, Điều 474, Điều 478 Bộ luật Dân sự năm 2005, buộc ông H phải có nghĩa vụ trả cho ông T số tiền nợ gốc còn thiếu là 8.000.000đ (tám triệu đồng).

[5] Về án phí DSST: ông Đỗ Trung H phải chịu án phí là 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng), hoàn trả lại cho ông Trần Quang T số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

[5] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố B phù hợp với nhận định Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 184; khoản 1 Điều 207; Điều 220, Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 471, Điều 474, Điều 478 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 429; Điều 468 và Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015;

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Quang T về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc ông Đỗ Trung H phải trả cho ông Trần Quang T số tiền là 8.000.000đ (tám triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đỗ Trung H phải nộp 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng). Hoàn trả cho ông Trần Quang T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai số 002674 ngày 27/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B).

Ông Trần Quang T và ông Đỗ Trung H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND TP B (2);
- THADS TP B (1);
- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- UBND phường Tân Biên, TP. B, tỉnh Đồng Nai (1);
- Đương sự (2);
- Lưu hồ sơ vụ án (1).

Phan Thị Thu Thương